

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-01-2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thông.

2. Ông Phạm Văn Hề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4971/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1994

Thường trú: 88/120/7 đường A, tổ 10A, khu phố 1, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: 3013 X, CA 95132, USA.

- Bị đơn: Ông Lê Trần Quốc T, sinh năm 1987

Thường trú: Đội 5, thị trấn H, huyện K, tỉnh Đ.

Tạm trú: 170/18 đường E, Phường S, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/11/2021 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Trần Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện K, tỉnh Đ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 232, quyền ngày 13/12/2017. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm lối sống hàng ngày. Bà và ông T đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Hiện nay, bà đang

sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ còn ông T vẫn ở Việt Nam. Do không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông Lê Trần Quốc T ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Lê Trần Quốc T có 01 con chung là trẻ Lê Anh T1 (Le Anh T1), sinh ngày 21/01/2017, giới tính: Nữ. Hiện nay, trẻ đang sống cùng với bà tại Hoa Kỳ. Bà có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ Lê Anh T1 (Le Anh T1); Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Vì khoảng cách địa lý và tình hình dịch bệnh Covid-19, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại bản tự khai ngày 21/12/2021, bị đơn là ông Lê Trần Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Ngọc M.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị Ngọc M có 01 con chung là trẻ Lê Anh T1 (Le Anh T1), sinh ngày 21/01/2017, giới tính: Nữ. Ông đồng ý giao con chung cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chung ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Vì bận công việc, ông T xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Trần Thị Ngọc M và ông Lê Trần Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được thị trấn H, huyện K, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn hiện cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ; Bị đơn có đăng ký tạm trú tại 170/18 đường E, Phường S, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc M được ly hôn ông Lê Trần Quốc T, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà M và ông T, thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà M và ông T không có quá trình chung sống lâu dài, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà M và ông T đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà M yêu cầu được ly hôn với ông T là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Lê Trần Quốc T có 01 con chung là trẻ Lê Anh T1 (Le Anh T1), sinh ngày 21/01/2017, giới tính: Nữ. Bà M và ông T thỏa thuận giao con chung cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, sự tự nguyện này của bà M và ông T là phù hợp với quy định pháp luật và không thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của bà Trần Thị Ngọc M và ông Lê Trần Quốc T.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Trần Thị Ngọc M và ông Lê Trần Quốc T khai không có.

[4] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Ngọc M phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Lê Trần Quốc T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc M được ly hôn ông Lê Trần Quốc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 232 do Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện K, tỉnh Đ cấp ngày 13/12/2017 cho bà Trần Thị Ngọc M và ông Lê Trần Quốc T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung là trẻ Lê Anh T1 (Le Anh T1), sinh ngày 21/01/2017, giới tính: Nữ cho bà Trần Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Lê Trần Quốc T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Trần Thị Ngọc M chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0001241 ngày 26/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Trần Thị Ngọc M được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Ông Lê Trần Quốc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND thị trấn H, huyện K, tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/16b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên

262.HNST-29 11 21



Trần Thị Ngọc Mai

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nhung

Nguyễn Thành Thông

Lưu Thị Thủy Tiên

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Quận B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên